



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân cư Himlam,

Phường Tân Hưng, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498

Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 06 năm 2026

BẢN TIN SỐ 1560

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 09/06/2026 đến ngày 15/06/2026)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

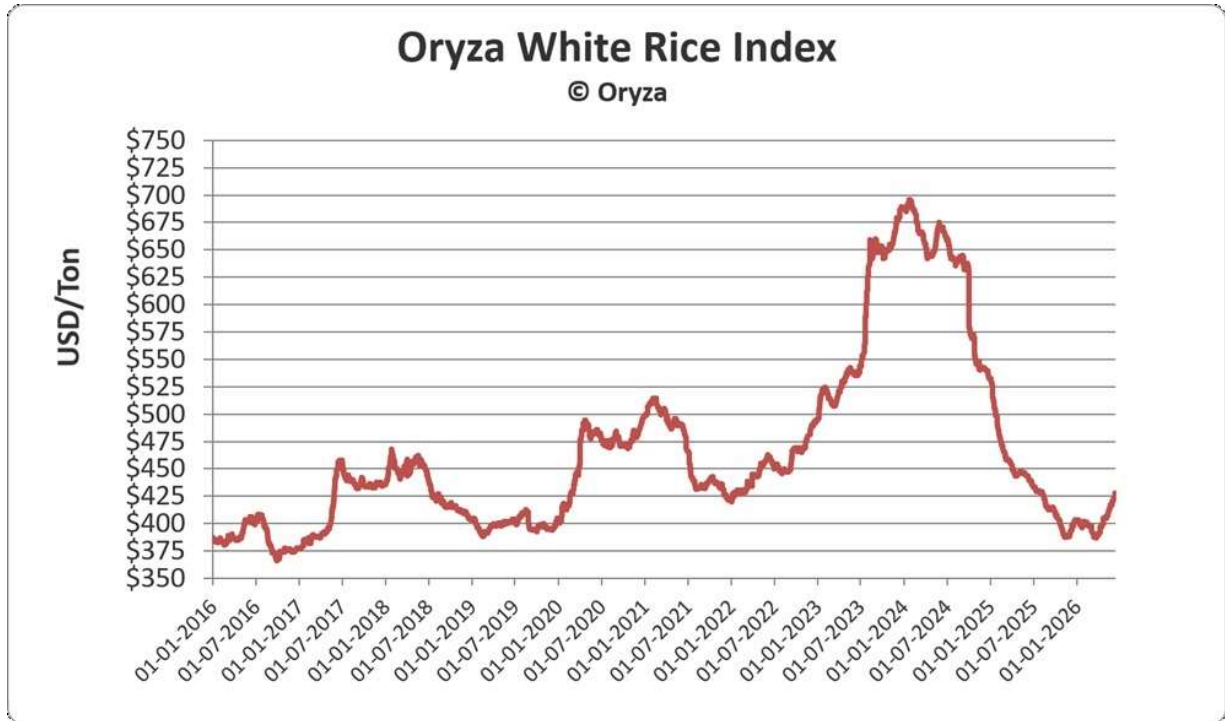
I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

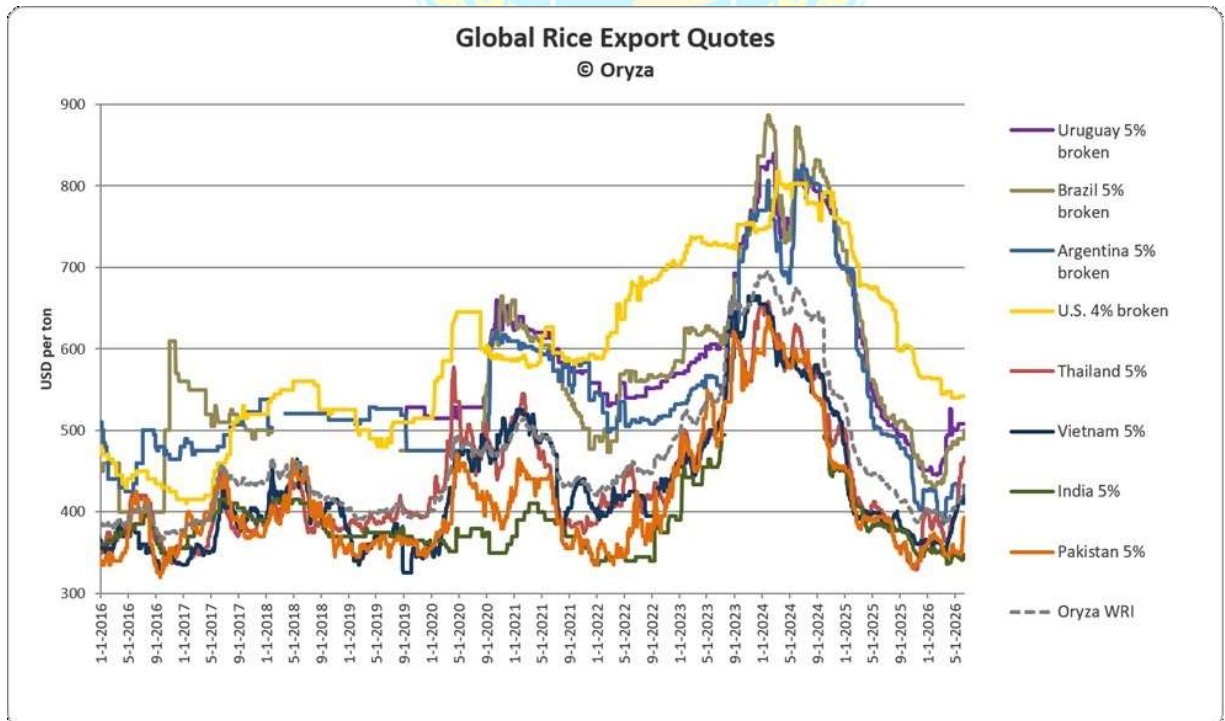
QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	09 – 06		10 – 06		11 – 06		12 – 06	
		max	min	max	min	max	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	470	474	471	475	470	474	471	475
	5% tấm	460	464	461	465	460	464	461	465
	25% tấm	442	446	386	390	442	446	386	390
	Hom Mali 92%	1171	1175	1170	1174	1171	1175	1170	1174
	Gạo đỏ 100% Stxd	462	466	462	466	462	466	462	466
	A1 Super	415	419	415	419	415	419	415	419
VIỆT NAM	5% tấm	411	415	412	416	411	415	412	416
	25% tấm	386	390	386	390	386	390	386	390
	Gạo thơm 5% tấm	490	495	490	495	490	495	490	495
	Jasmine	509	513	508	512	509	513	508	512
	100% tấm	343	347	344	348	343	347	344	348
ẤN ĐỘ	5% tấm	342	346	342	346	342	346	342	346
	25% tấm	327	331	330	334	327	331	330	334
	Gạo đỏ 5% Stxd	333	337	333	337	333	337	333	337
	100% tấm Stxd	278	282	278	282	278	282	278	282
PAKISTAN	5% tấm	386	390	391	395	386	390	391	395
	25% tấm	356	360	361	365	356	360	361	365
	100% tấm Stxd	327	331	326	330	327	331	326	330
MIẾN ĐIỆN	5% tấm	417	421	417	421	417	421	417	421
MỸ	4% tấm	540	544	540	544	540	544	540	544
	15% tấm (Sacked)	543	547	543	547	543	547	543	547
	Gạo đỏ 4% tấm	670	674	670	674	670	674	670	674
	Calrose 4%	885	889	885	889	885	889	885	889

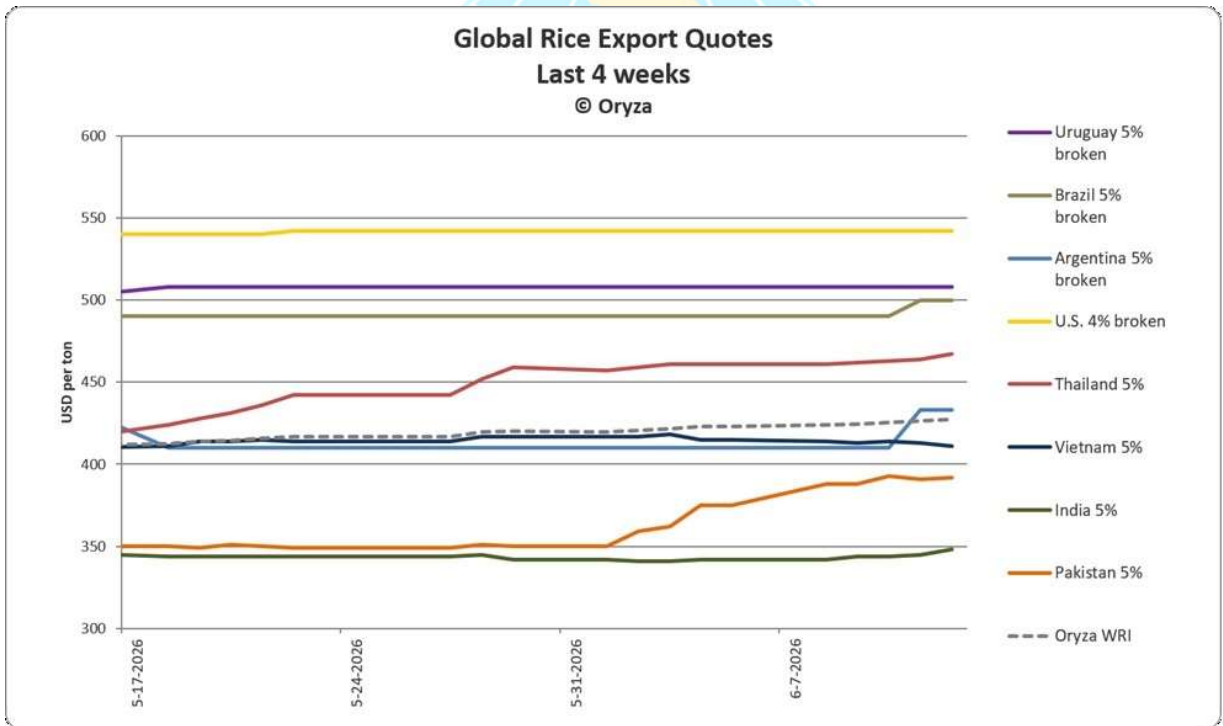
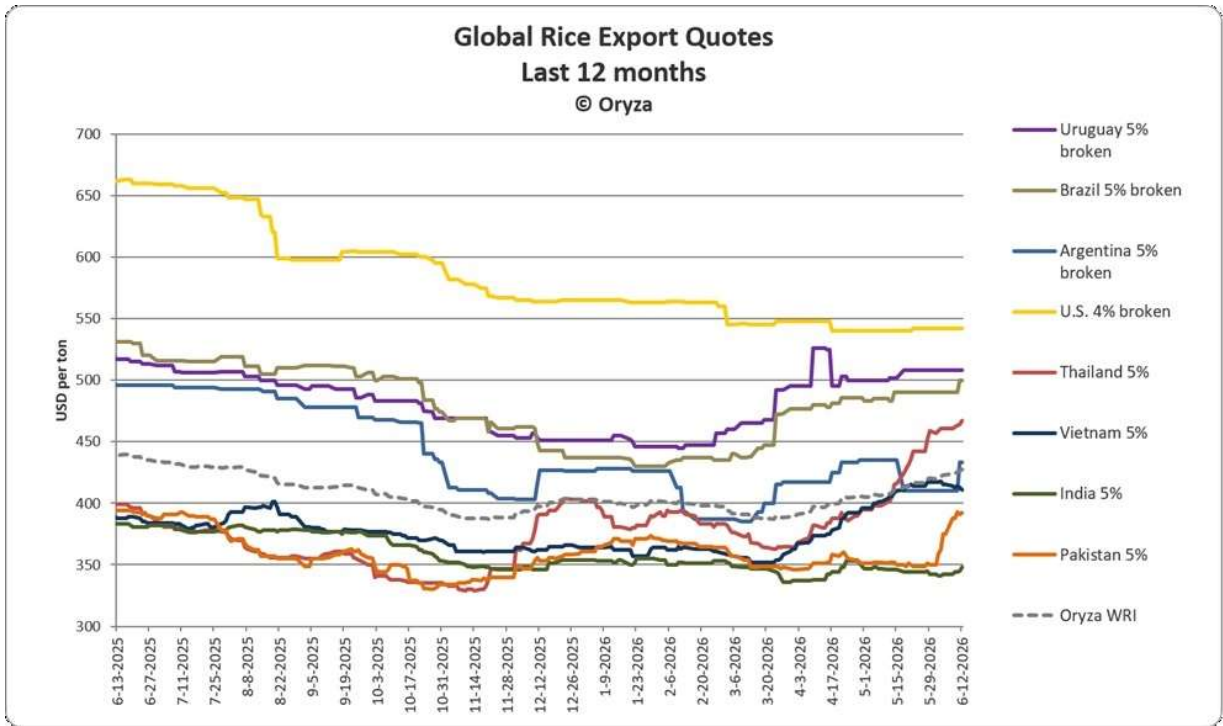
II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

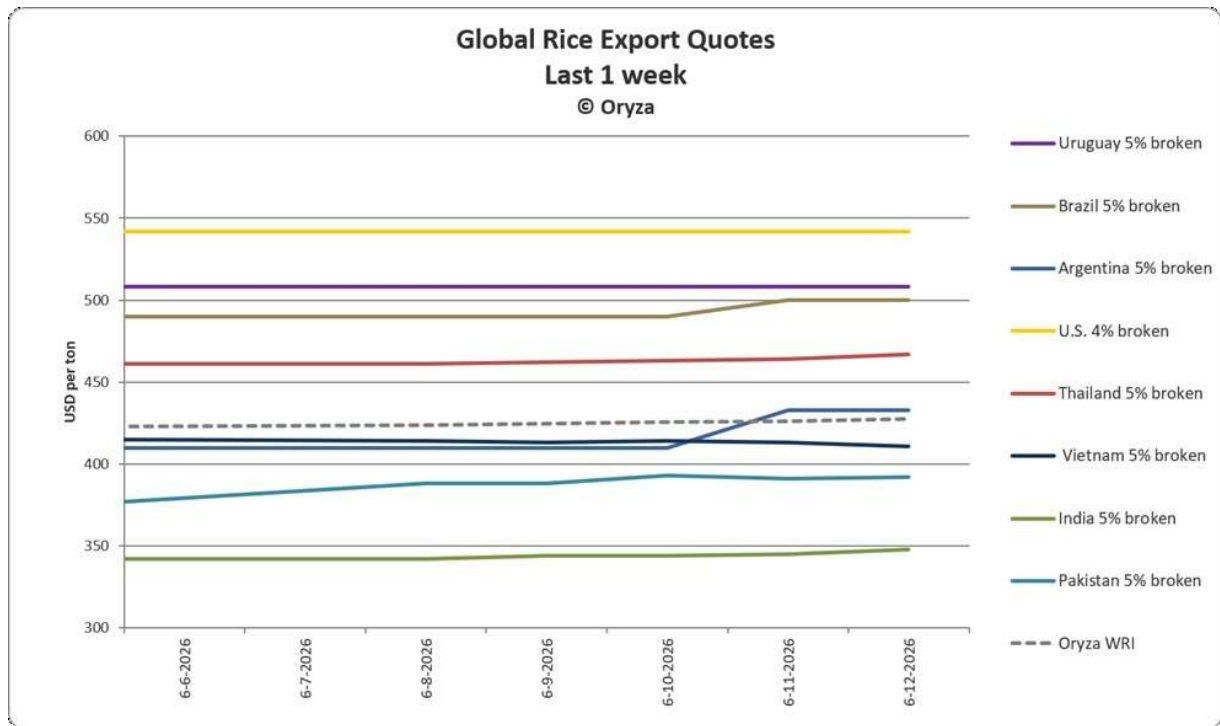
*Tổng quan thị trường:



Chỉ số Gạo Trắng Oryza (WRI), chỉ số giá bình quân gia quyền gạo trắng xuất khẩu toàn cầu kết thúc tuần ở mức 427 USD/tấn, tăng 7 USD/tấn so với tuần trước và tăng 20 USD/tấn so với tháng trước, và giảm 12 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.







Thị trường gạo thế giới 2026/27 được dự báo tương đối ổn định nhưng có xu hướng thắt chặt hơn khi sản lượng toàn cầu giảm 1%, tiêu dùng tiếp tục tăng và tồn kho giảm 2%. Tuy nhiên, nguồn cung dồi dào từ Ấn Độ (chiếm khoảng 40% xuất khẩu gạo toàn cầu) sẽ giúp hạn chế đà tăng giá.

Thương mại gạo toàn cầu dự kiến đạt mức kỷ lục 63 triệu tấn. Các thị trường nhập khẩu lớn vẫn là Philippines và Trung Quốc. Giá gạo tại nhiều nước xuất khẩu tăng, trong đó Thái Lan tăng mạnh nhất.

El Niño đã chính thức hình thành và có khả năng mạnh lên trong giai đoạn 2026–2027, làm gia tăng nguy cơ thiếu mưa tại Ấn Độ và Đông Nam Á, ảnh hưởng đến sản xuất lúa gạo và có thể tạo áp lực tăng giá trên thị trường.

Giá phân bón và nông sản thế giới giảm trong thời gian gần đây nhờ nguồn cung được cải thiện và căng thẳng tại Trung Đông dịu bớt. Tuy nhiên, thị trường vẫn tiềm ẩn rủi ro do biến động năng lượng và các yếu tố địa chính trị.

Biến đổi khí hậu và phát thải từ sản xuất lúa gạo đang trở thành vấn đề đáng quan tâm. Các biện pháp canh tác như tưới khô xen kẽ (AWD), cải thiện thoát nước và gieo sạ trực tiếp có thể giúp giảm phát thải khí mê-tan mà vẫn duy trì năng suất.

Một nghiên cứu mới cho thấy sản lượng gạo toàn cầu đã tăng gần gấp đôi trong 50 năm qua, nhờ tiến bộ về giống, phân bón, thủy lợi và kỹ thuật canh tác, bất chấp những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu.

Các yếu tố cơ bản của thị trường gạo thế giới hiện vẫn khá vững chắc nhờ nhu cầu thương mại cao. Tuy nhiên, diễn biến của El Niño sẽ là yếu tố cần

theo dõi chặt chẽ trong thời gian tới do có thể ảnh hưởng đáng kể đến sản xuất và giá gạo tại các nước xuất khẩu chủ chốt ở châu Á.

Indonesia

Indonesia đã công bố chương trình hỗ trợ lương thực mới nhằm ổn định giá thực phẩm trong nước và bảo vệ người tiêu dùng trước mùa khô sắp tới cũng như những biến động của thị trường nông sản toàn cầu. Bắt đầu từ tháng 7/2026, Chính phủ sẽ cấp phát gạo trong 3 tháng cho 33,24 triệu người, mỗi người nhận 10 kg/tháng. Chương trình này cần khoảng 1 triệu tấn gạo từ nguồn dự trữ quốc gia nhằm duy trì khả năng tiếp cận lương thực và đảm bảo an ninh lương thực hộ gia đình. Bên cạnh đó, Indonesia sẽ trợ cấp 2.000 rupiah/kg đối với 250.000 tấn đậu tương nhập khẩu nhằm giảm chi phí sản xuất các thực phẩm thiết yếu như tempeh và đậu phụ. Các biện pháp này hướng tới mục tiêu kiềm chế lạm phát lương thực, hỗ trợ các hộ thu nhập thấp và bảo đảm cân bằng cung cầu đối với các mặt hàng thiết yếu trong bối cảnh nguy cơ gián đoạn sản xuất do thời tiết.

Theo Reuters, Indonesia đang đẩy mạnh các hoạt động sản xuất lúa gạo nhằm chuẩn bị cho mùa khô có khả năng chịu tác động nghiêm trọng từ El Niño vào cuối năm 2026. Chính phủ khuyến khích nông dân rút ngắn thời gian giữa thu hoạch và xuống giống từ khoảng 25 ngày xuống còn hai tuần, đồng thời thúc đẩy cải thiện hệ thống tưới tiêu và sử dụng các giống lúa chịu hạn để bảo vệ năng suất. Tuy nhiên, các dự báo chính thức vẫn cho thấy sản lượng lúa gạo trong giai đoạn tháng 1–7/2026 có thể giảm nhẹ do diện tích gieo trồng thu hẹp. Một số nông dân tại các khu vực dễ bị hạn hán đang cân nhắc chuyển sang các loại cây trồng ít tiêu tốn nước hơn như đậu xanh. Những lo ngại này xuất phát từ dự báo lượng mưa thấp hơn bình thường trên khắp Đông Nam Á, đặc biệt tại các vùng sản xuất trọng điểm như Tây Java, làm dấy lên nguy cơ nguồn cung gạo khu vực thắt chặt và giá lương thực tăng cao nếu điều kiện khô hạn kéo dài.

Indonesia cũng đã củng cố đáng kể an ninh lương thực thông qua việc xây dựng lượng dự trữ gạo quốc gia kỷ lục 5,3 triệu tấn – mức cao nhất trong lịch sử nước này. Lượng dự trữ do Perum Bulog quản lý giúp ổn định nguồn cung, kiểm soát lạm phát lương thực và bảo vệ người tiêu dùng trước biến động giá trên thị trường thế giới. Để tăng cường hơn nữa hệ thống an ninh lương thực, Chính phủ đã phê duyệt khoản đầu tư 5 nghìn tỷ rupiah (278 triệu USD) để xây dựng 100 kho chứa hiện đại với công nghệ bảo quản tiên tiến, cho phép lưu trữ gạo tới 3 năm mà vẫn đảm bảo chất lượng. Sáng kiến này được kỳ vọng sẽ nâng cao hiệu quả bảo quản, củng cố dự trữ quốc gia và góp phần duy trì nguồn cung, giá gạo ổn định trên toàn quốc.

Philippines

Tính đến ngày 1/5/2026, lượng tồn kho gạo của Philippines đạt 2,41 triệu tấn, tăng 2,2% so với mức 2,36 triệu tấn cùng kỳ năm trước và tăng 1,3% so với 2,38 triệu tấn ghi nhận ngày 1/4/2026. Tồn kho trong các hộ gia đình chiếm tỷ trọng lớn nhất với 1,15 triệu tấn, tiếp theo là kho thương mại với 916.560 tấn và dự trữ của Cơ quan Lương thực Quốc gia (NFA) đạt 341.350 tấn. Số liệu này cho thấy vị thế nguồn cung gạo của Philippines đã được cải thiện ở mức khiêm tốn.

Giá bán lẻ gạo tại Philippines đã giảm trong tháng 5/2026, mang lại phần nào sự giảm nhẹ áp lực cho người tiêu dùng sau thời gian dài lạm phát lương thực ở mức cao. Theo Cơ quan Thống kê Philippines (PSA), tất cả các phân khúc gạo chính đều giảm giá so với tháng trước: gạo cao cấp giảm 3,5% xuống còn 53,42 peso/kg; gạo xay xát thông thường giảm 3,1% xuống 48,10 peso/kg; và gạo xay xát chất lượng cao giảm 3,4% xuống 54,94 peso/kg. Tuy nhiên, giá vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng từ các hạn chế nguồn cung và áp lực lạm phát trước đó. Đà giảm giá chủ yếu nhờ các biện pháp của Chính phủ như tăng nhập khẩu, quản lý dự trữ và tăng cường giám sát thị trường bán lẻ.

Theo S&P Global, Philippines đang có xu hướng tăng nhập khẩu gạo từ Miến Điện nhằm tìm kiếm nguồn cung có giá cạnh tranh hơn so với gạo Việt Nam. Trong tháng 5/2026, lượng nhập khẩu từ Miến Điện đạt 23.990 tấn, tăng 20,8% so với tháng trước. Mặc dù Việt Nam vẫn là nhà cung cấp lớn nhất, giá cao hơn đã thúc đẩy các nhà nhập khẩu Philippines đa dạng hóa nguồn cung sang Miến Điện. Tổng lượng gạo nhập khẩu của Philippines trong bốn tháng đầu năm 2026 đạt khoảng 1,68 triệu tấn, tăng 18% so với cùng kỳ năm trước. Nhu cầu gia tăng từ Philippines cũng đã đẩy giá gạo xuất khẩu của Miến Điện lên mức cao nhất trong vòng chín tháng, củng cố vị thế của nước này trên thị trường khu vực.

Bộ Nông nghiệp Philippines (DA) đã đề xuất kéo dài thêm 30 ngày mức giá trần 50 peso/kg đối với gạo nhập khẩu 5% tằm, chờ phê duyệt cuối cùng từ Hội đồng Điều phối Giá Quốc gia và Tổng thống. Mục tiêu là hỗ trợ nông dân trong nước, đảm bảo khả năng tiếp cận lương thực cho người tiêu dùng và ổn định thị trường gạo. Chính phủ cũng tăng cường các biện pháp kiểm tra, giám sát giá và xử lý các trường hợp vi phạm nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách.

Bangladesh

Theo dữ liệu của Chính phủ được Somoy News dẫn lại, sản lượng lúa Boro năm 2026 của Bangladesh đạt 32,71 triệu tấn bất chấp thiệt hại do lũ lụt

tại vùng Haor. Để hỗ trợ nông dân bị ảnh hưởng, Chính phủ đã triển khai chương trình thu mua lúa và gạo tại các khu vực Haor từ ngày 3/5, cho phép nông dân sấy khô lúa tại các cơ sở nhà nước và bán trực tiếp cho các kênh thu mua chính thức. Đồng thời, các nhà máy xay xát tư nhân cũng được khuyến khích tham gia nhằm cải thiện khả năng tiếp cận thị trường và ổn định giá cả. Ngoài ra, chương trình bán hàng bình ổn giá (OMS) đã được mở rộng tại sáu huyện thuộc vùng Haor để cung cấp gạo và bột mì giá trợ cấp cho các hộ dân dễ bị tổn thương, ưu tiên các nông dân chịu ảnh hưởng của lũ lụt. Với vai trò là vụ lúa lớn nhất trong năm và là trụ cột nguồn cung lương thực quốc gia, sản lượng Boro khả quan được kỳ vọng sẽ củng cố an ninh lương thực trong nước và giảm nguy cơ thiếu hụt nguồn cung trong ngắn hạn.

Tuy nhiên, Bangladesh cũng đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng khi các trận lũ quét trước mùa mưa tại lưu vực Haor ở khu vực Đông Bắc xảy ra đúng vào giai đoạn thu hoạch cao điểm của vụ Boro. Mưa lớn đã làm ngập hơn 130.000 mẫu đất nông nghiệp, gây thiệt hại khoảng 214.000 tấn lúa gạo và ảnh hưởng đến khoảng 230.000 hộ nông dân. Tình trạng ngập úng, thiếu lao động và thiếu máy móc khiến việc thu hoạch bị chậm trễ và gia tăng tổn thất. Do vụ Boro chiếm gần một nửa sản lượng gạo hàng năm của Bangladesh, tình trạng này làm dấy lên lo ngại về nguy cơ thiếu hụt hơn 200.000 tấn gạo trên phạm vi quốc gia. Khủng hoảng còn trở nên nghiêm trọng hơn do tình trạng thiếu dầu diesel liên quan đến những biến động của thị trường năng lượng toàn cầu, khiến chi phí tưới tiêu tăng và năng suất giảm ngay từ trước khi lũ xảy ra. Nhiều hộ nông dân hiện đang gánh nợ sau khi đầu tư vào giống, phân bón và tưới tiêu nhưng lại mất phần lớn thu nhập kỳ vọng. Sự kiện này một lần nữa cho thấy tính dễ tổn thương của Bangladesh trước các cú sốc khí hậu và những gián đoạn nguồn cung từ bên ngoài.

Bangladesh cũng đang thúc đẩy mục tiêu giảm tiêu thụ nước và phát thải khí mê-tan trong ngành lúa gạo đến năm 2035 thông qua việc mở rộng áp dụng phương pháp tưới khô xen kẽ (AWD). Phương pháp này giúp tránh tình trạng ngập nước liên tục trên ruộng lúa, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng nước, giảm phát thải khí nhà kính và hỗ trợ các mục tiêu ứng phó biến đổi khí hậu của quốc gia. Việc triển khai thành công sẽ đòi hỏi đào tạo nông dân, hỗ trợ kỹ thuật và đầu tư vào cơ sở hạ tầng quản lý nước. Đây là một phần trong chiến lược rộng lớn hơn nhằm xây dựng một nền nông nghiệp có khả năng chống chịu tốt hơn trước biến đổi khí hậu, áp lực tài nguyên nước và yêu cầu giảm phát thải từ sản xuất lương thực.

Trung Quốc

Mưa lớn và các cảnh báo lũ lụt tại miền Nam Trung Quốc đang làm gia tăng lo ngại về thiệt hại đối với các vùng sản xuất lúa trọng điểm dọc lưu vực sông Dương Tử. Tình trạng ngập úng trong giai đoạn đầu vụ có thể làm chìm các diện tích lúa mới gieo cấy, làm chậm tiến độ sản xuất, gia tăng nguy cơ sâu bệnh và ảnh hưởng đến năng suất. Do các tỉnh phía Nam đóng góp phần lớn sản lượng gạo của Trung Quốc, bất kỳ thiệt hại đáng kể nào cũng có thể tác động đến nguồn cung nội địa và thương mại khu vực. Diễn biến này đang được thị trường ngũ cốc toàn cầu theo dõi sát sao trong bối cảnh El Niño tiếp tục gây ra nhiều bất ổn thời tiết tại châu Á.

Hàn Quốc

Tổng công ty Thương mại Nông thủy sản và Lương thực Hàn Quốc (KAFTC) đã mua 47.246 tấn gạo không nếp trong đợt đấu thầu hạn ngạch thuế quan (TRQ) lần thứ tư kết thúc ngày 28/5/2026. Trong số 11 lô thầu bao gồm gạo từ Hoa Kỳ, Việt Nam và Thái Lan, có 8 lô được trao thầu thành công, trong khi 3 lô với tổng khối lượng 11.556 tấn không được trao thầu do không có hồ sơ dự thầu hoặc không đạt yêu cầu. Các lô chưa được phân bổ gồm hai lô gạo hạt trung bình của Hoa Kỳ và một lô gạo hạt dài xay xát của Thái Lan.

Nhật Bản

Nhật Bản đang đẩy mạnh chuyển đổi sang các giống lúa chịu nhiệt trong bối cảnh nhiệt độ tăng cao và các đợt nắng nóng thường xuyên ảnh hưởng đến chất lượng và năng suất lúa. Năm 2025, diện tích gieo trồng các giống chịu nhiệt đạt khoảng 248.000 ha, tương đương 18,2% tổng diện tích lúa gạo chủ lực của cả nước, gần gấp ba lần so với một thập kỷ trước. Việc áp dụng đặc biệt mạnh tại khu vực Tây Nhật Bản, nơi chịu tác động nhiệt độ cao rõ rệt hơn. Các giống như Kinumusume, Tochiginohoshi và Koshiibuki đang được khuyến khích phát triển nhằm giảm thiểu tình trạng nứt hạt và suy giảm năng suất do nhiệt độ cao gây ra.

Nhật Bản đã thông báo kế hoạch nhập khẩu khoảng 43.000 tấn gạo thông qua đấu thầu quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu cung ứng trong nước. Kết quả đấu thầu ngày 12/6/2026 cho thấy Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản (MAFF) đã mua 36.000 tấn gạo hạt trung bình không nếp (24.000 tấn từ Hoa Kỳ và 12.000 tấn từ Trung Quốc) cùng 7.000 tấn gạo hạt dài không nếp từ Thái Lan. Giá nhập khẩu bình quân đạt 146.135 yên/tấn (chưa bao gồm thuế), tương đương khoảng 911 USD/tấn.

Bên cạnh đó, tiêu thụ gạo tại Nhật Bản trong niên khóa 2025 đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng bảy năm do giá gạo duy trì ở mức cao. Lượng tiêu thụ bình quân đầu người giảm 6,1% so với năm trước, xuống còn 4,435

kg/tháng. Xu hướng tiêu dùng cũng cho thấy tỷ trọng gạo sử dụng thông qua thực phẩm chế biến sẵn và dịch vụ ăn uống ngày càng tăng.

Mỹ Latinh

Uruguay, giá gạo 5% tấm hiện được chào bán ở mức khoảng 508 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 6 USD/tấn so với một tháng trước nhưng thấp hơn khoảng 9 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Argentina, giá gạo 5% tấm của hiện ở mức khoảng 433 USD/tấn, tăng 23 USD/tấn so với tuần trước, giảm nhẹ 2 USD/tấn so với một tháng trước và thấp hơn khoảng 63 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Các chuyên gia khí hậu dự báo El Niño sẽ mang lại tác động tích cực đối với sản xuất nông nghiệp của Argentina trong niên vụ 2026/27, trái ngược với những rủi ro hạn hán mà hiện tượng này gây ra cho nhiều khu vực ở châu Á và Úc. El Niño thường làm gia tăng lượng mưa tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm của Argentina, cải thiện điều kiện sinh trưởng và nâng cao năng suất cây trồng. Dự báo toàn bộ niên vụ 2026/27 sẽ chịu ảnh hưởng của El Niño, tạo thuận lợi cho các cây trồng chủ lực như lúa mì, ngô và đậu tương. Hiện nông dân Argentina đang gieo trồng vụ lúa mì 2026/27 với sản lượng dự kiến đạt khoảng 20 triệu tấn, có thể trở thành vụ thu hoạch lớn thứ ba trong lịch sử nước này.

Brazil đã thông qua Luật số 15.429/2026, chuyển quy định chứng nhận kho chứa nông sản từ bắt buộc sang tự nguyện nhằm giảm thủ tục hành chính, hạ chi phí và thu hút đầu tư tư nhân vào cơ sở hạ tầng logistics. Cải cách này được thực hiện trong bối cảnh khoảng cách giữa năng lực lưu trữ và sản lượng nông sản ngày càng lớn, khi Brazil hiện chỉ có khả năng lưu trữ khoảng 60–63% tổng sản lượng ngũ cốc, tương đương mức thiếu hụt hơn 130 triệu tấn sức chứa. Chính phủ kỳ vọng việc nới lỏng quy định sẽ thúc đẩy đầu tư vào hệ thống kho bãi và giảm tổn thất sau thu hoạch.

Theo báo cáo GIEWS mới nhất của FAO, sản lượng lúa chính năm 2026 của Peru được dự báo cao hơn mức trung bình nhờ mở rộng diện tích gieo trồng, mặc dù mưa lớn đầu năm 2026 đã khiến sản lượng thu hoạch giảm khoảng 11% so với mức thông thường. Peru vẫn được dự báo phải duy trì nhập khẩu ngũ cốc, bao gồm gạo, ở mức cao hơn trung bình trong năm 2026 để đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng. Giá gạo tại nước này đã giảm liên tục kể từ tháng 2/2025 và đến tháng 5/2026 thấp hơn gần 25% so với cùng kỳ năm trước nhờ các vụ mùa thuận lợi và lượng nhập khẩu tăng.

Hoa Kỳ

Giá gạo 4% tám của Hoa Kỳ hiện được chào bán ở mức khoảng 542 USD/tấn, không thay đổi so với tuần trước, tăng khoảng 2 USD/tấn so với một tháng trước nhưng thấp hơn khoảng 120 USD/tấn so với cùng kỳ năm ngoái.

Báo cáo WASDE tháng 6/2026 của USDA được đánh giá là có phần tiêu cực đối với gạo hạt dài của Hoa Kỳ so với tháng trước, do tồn kho cuối kỳ tăng thêm 1 triệu cwt sau khi dự báo xuất khẩu giảm tương ứng. Tuy nhiên, triển vọng vẫn tích cực hơn so với năm trước nhờ sản lượng thấp hơn và lượng tồn kho cuối kỳ thắt chặt hơn đáng kể. Đối với gạo hạt trung bình và hạt ngắn, báo cáo mang tính hỗ trợ nhẹ cho thị trường, đặc biệt tại California.

USDA cho biết doanh số bán gạo xuất khẩu của Hoa Kỳ trong tuần kết thúc ngày 4/6/2026 đạt 39.000 tấn, chủ yếu đến từ Haiti, Saudi Arabia, Canada, Áo và Đức. Trong cùng kỳ, lượng gạo thực tế được giao đạt 63.900 tấn, với các điểm đến chính là Haiti, Nhật Bản, Saudi Arabia, Nicaragua và Hàn Quốc.

Bang Arkansas, vùng sản xuất lúa gạo lớn nhất Hoa Kỳ, được dự báo sẽ giảm mạnh diện tích gieo trồng trong năm 2026. Diện tích có thể giảm xuống còn 750.000–800.000 mẫu Anh, thấp hơn khoảng 35–40% so với mức 1,25 triệu mẫu Anh năm 2025. Nguyên nhân chủ yếu là giá gạo thấp, chi phí đầu vào cao (đặc biệt là phân bón và nhiên liệu) cùng với thời tiết bất lợi ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất. Điều này có thể làm giảm đáng kể nguồn cung gạo của Hoa Kỳ trong thời gian tới.

Trung Đông

Ngành lúa gạo Iran hiện vẫn duy trì khả năng chống chịu tương đối tốt khi vụ lúa năm 2026 được gieo trồng trong điều kiện thời tiết thuận lợi và triển vọng sản xuất tích cực. Năm 2025, sản lượng lúa đạt khoảng 3,85–3,9 triệu tấn, cao hơn khoảng 2% so với mức trung bình 5 năm gần đây. Tuy nhiên, xung đột kéo dài tại Trung Đông vẫn tiềm ẩn nguy cơ làm gián đoạn nguồn cung phân bón, nhiên liệu, hạt giống và các chuỗi cung ứng liên quan đến nông nghiệp.

Mặc dù sản xuất trong nước khá khả quan, Iran vẫn phải phụ thuộc đáng kể vào nhập khẩu do nhu cầu tiêu dùng vượt quá khả năng cung ứng nội địa. Tổng lượng ngũ cốc nhập khẩu trong niên vụ 2025/26 được dự báo đạt 22 triệu tấn, cao hơn khoảng 30% so với mức trung bình. Trong khi đó, giá gạo tại Tehran đã tăng lên mức kỷ lục, với giá tháng 4/2026 cao hơn khoảng 220% so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do đồng rial mất giá mạnh. Áp lực lạm phát từ bất ổn khu vực và chi phí nhiên liệu, phân bón gia tăng tiếp tục gây sức ép lên người tiêu dùng, buộc Chính phủ phải duy trì các chương trình hỗ trợ như trợ cấp tiền mặt và phiếu thực phẩm điện tử.

Châu Phi

Các quốc gia Tây Phi đã công bố chiến lược khu vực trị giá 28 tỷ USD nhằm đạt mục tiêu tự chủ lúa gạo vào năm 2035, qua đó giảm phụ thuộc vào nhập khẩu và xây dựng ngành lúa gạo có khả năng chống chịu tốt hơn trước biến đổi khí hậu. Kế hoạch được thông qua trong khuôn khổ Tuyên bố Accra tại hội nghị đầu tư ngành lúa gạo ở Ghana.

Mục tiêu bao gồm tăng gấp đôi sản lượng lúa, nâng năng suất từ 2,1 tấn/ha lên 4,1 tấn/ha, giảm tổn thất sau thu hoạch xuống dưới 10%, giảm tỷ lệ phụ thuộc nhập khẩu xuống dưới 15% và tạo khoảng 15 triệu việc làm trong toàn chuỗi giá trị, đặc biệt ưu tiên phụ nữ và thanh niên. Các quốc gia tham gia đã xây dựng các kế hoạch đầu tư quốc gia với tổng giá trị 25,6 tỷ USD cho giai đoạn 2026–2035.

III. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Ấn Độ

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 348 USD/tấn, tăng 6 USD/tấn so với tuần trước, tăng 2 USD/tấn so với tháng trước tuy nhiên giảm 35 USD/tấn so với cùng kỳ.

Hoạt động giao dịch tuần qua vẫn trầm lắng khi người mua chờ giá giảm và biến động cước vận tải do phần lớn hãng tàu đã kín chỗ trong tháng 6/2026. Nhu cầu nhập khẩu gạo 100% tám từ châu Phi và gạo đỏ 5% tám tiếp tục ở mức thấp. Tỷ giá đồng nội tệ tuần qua giảm so với đồng USD, góp phần hỗ trợ giá xuất khẩu.

Các thương nhân cho rằng dù rủi ro El Nino gia tăng, nguồn cung gạo vẫn được đảm bảo nhờ lượng tồn kho chuyển vụ cao và nguồn cung từ các vụ thu hoạch liên tiếp.

Thái Lan

Giá gạo tám 5% tám tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 467 USD/tấn, tăng 6 USD/tấn so với tuần trước, tăng 66 USD/tấn so với tháng trước và tăng 68 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường gạo kết thúc tuần nhìn chung ổn định. Giá gạo xuất khẩu tuần qua có xu hướng tăng nhờ nhu cầu mua mới từ các thị trường tiêu thụ chính như Malaysia, Philippines, Nam Phi, Angola và Mozambique, do lo ngại về an ninh lương thực trước diễn biến của El Nino. Philippines dự kiến cấp phép nhập khẩu khoảng 200.000 tấn gạo cho các lô hàng tháng 7/2026, chủ yếu phân

khúc gạo 25% tấm và gạo tấm. Các doanh nghiệp xuất khẩu cho rằng nước này vẫn gặp bất lợi cạnh tranh do giá cao và nguồn cung gạo tấm hạn chế.

Trước xu hướng nhu cầu trong nước và xuất khẩu chậm lại, Chính phủ nước này đang thúc đẩy các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn, bao gồm phát triển gạo giá trị cao, gạo phát thải thấp và các giống lúa có năng suất cao hơn.

Pakistan

Giá gạo tấm 5% tấm tuần qua được ghi nhận ở mức khoảng 392 USD/tấn, tăng 17 USD/tấn so với tuần trước, tăng 40 USD/tấn so với tháng trước và giảm 2 USD/tấn so với cùng kỳ năm trước.

Thị trường xuất khẩu gạo phi basmati tuần qua tiếp tục trầm lắng do nhu cầu mua mới chậm, tình trạng thiếu container kéo dài và cạnh tranh về giá với gạo Ấn Độ. Nhu cầu mua gạo tấm làm nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi giảm do vụ thu hoạch bắp đang diễn ra, làm giảm nhu cầu sử dụng gạo tấm.

Các doanh nghiệp hiện tập trung thực hiện các hợp đồng đã ký với thị trường châu Âu, trong khi hoạt động ký kết hợp đồng mới vẫn còn hạn chế. Các nhà xuất khẩu cho biết việc giao hàng gặp khó khăn do lịch đặt tàu đã kín đến tháng 7/2026 và giá lúa gạo nội địa vẫn ở mức cao

Miền Điện

Thị trường gạo trắng tuần qua ghi nhận xu hướng giá tăng khi nguồn cung hạn chế và nhu cầu mua ổn định từ Philippines và châu Âu. Tuy nhiên, các thương nhân xuất khẩu cho biết hoạt động giao dịch gạo tấm trên thị trường nhìn chung vẫn còn trầm lắng do nhu cầu từ Trung Quốc chậm. Nhu cầu chủ yếu đến từ Philippines và thị trường châu Âu hỏi mua gạo trắng 5% tấm giao tháng 7/2026.

Theo dữ liệu sơ bộ của Cơ quan Cảng Miền Điện, từ ngày 13–16/6 sẽ có 4 tàu cập cảng Yangon để bốc xếp tổng cộng 23.250 tấn gạo xuất khẩu sang Philippines.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	09 - 06	10 - 06	11 - 06	12 - 06	15 - 06
Trung Quốc (CNY/USD)	6,78	6,77	6,78	6,78	6,77
Châu Âu (EUR/USD)	0,87	0,87	0,87	0,87	0,86
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	18.157,88	17.985,77	17.831,35	17.981,17	17.824,27

Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4,07	4,06	4,07	4,07	4,06
Philippines Peso (PHP/USD)	61,69	61,51	61,31	61,38	0,02
Hàn Quốc (KRW/USD)	1.528,17	1.530,15	1.519,66	1.531,17	1.517,66
Nhật Bn Yen (JPY/USD)	160,11	160,23	160,49	160,51	160,22
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	95,60	95,39	95,28	95,78	95,27
Miền Điện (MMK/USD)	2.099,17	2.098,92	2.099,64	2.098,85	2.099,09
Pakistan Rupees (PKR/USD)	278,16	278,22	278,38	278,13	278,31
Thái Lan Baht (THB/USD)	32,82	32,91	32,93	32,99	32,81
Việt Nam Đồng (VND/USD)	26.363,93	26.375,50	26.321,91	26.375,62	26.304,53

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

*** Tiến độ sản xuất:**

Tính đến ngày 15/06/2026, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & Môi trường, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL:

Vụ Hè Thu 2026 xuống giống sớm với diện tích 985 ngàn ha/1,243 triệu ha đạt chiếm tỷ lệ 79% diện tích kế hoạch, đã thu hoạch được khoảng 153 ngàn tấn với năng suất khoảng 67,49 tạ/ha, sản lượng ước đạt 1,032 triệu tấn lúa.

II. BẢNG TÀU ĐANG XÉP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/06 – 15/06/2026 có 21 tàu vào các cảng Hồ Chí Minh và Mỹ Tho xếp hàng với số lượng dự kiến 138.380 tấn gạo các loại.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Tràng An 05	HCM	02/05/2026	12.500	Philippines
2	Đại Tây Dương 25	HCM	21/05/2026	4.950	Philippines
3	Hải Thuận 06	HCM	25/05/2026	5.000	Philippines
4	Quang Minh 5	HCM	25/05/2026	4.500	Malaysia
5	Angele N	HCM	26/05/2026	50.000	Châu phi
6	Phương Nam 1	HCM	26/05/2026	6.000	Philippines
7	Tân An 01	HCM	28/05/2026	5.080	Philippines
8	AP Queen	HCM	29/05/2026	10.000	Philippines
9	VS Glory	HCM	29/05/2026	4.000	Philippines
10	Royal 16	HCM	30/05/2026	5.000	Philippines

Bản tin 1560 (Từ Ngày 09/06/2026 Đến Ngày 15/06/2026)

11	Star 55	HCM	31/05/2026	6.850	Philippines
12	An Thịnh Phú 08	HCM	01/06/2026	6.350	Philippines
13	Adira 16	HCM	02/06/2026	2.800	Malaysia
14	Mekong	HCM	02/06/2026	4.100	Philippines
15	PHC Honesty	HCM	02/06/2026	15.400	Philippines
16	Tân An Bonanaza	HCM	02/06/2026	6.830	Philippines
17	Bình Nguyên Star	HCM	04/06/2026	6.700	Philippines
18	Tân An Honesty	Mỹ Thới	05/06/2026	3.600	Philippines
19	Ta Star 03	HCM	07/06/2026	10.500	Philippines
20	MD Sky	HCM	08/06/2026	12.500	Philippines
21	Phúc Thuận 69	Mỹ Thới	08/06/2026	4.900	Philippines
22	Vinh Quang Dynamic	HCM	08/06/2026	4.800	Philippines
23	Bother 66	HCM	10/06/2026	5.000	Philippines
24	Viễn Đông 09	HCM	11/06/2026	6.000	Philippines
25	Hòa Bình 79	HCM	12/06/2026	7.200	Philippines
26	Hồng Lĩnh 01	HCM	12/06/2026	12.500	Philippines
27	Tân An Endeavor	HCM	12/06/2026	4.850	Philippines
28	Hương Anh 59	HCM	13/06/2026	2.800	Malaysia
29	Quang Minh 18	Mỹ Thới	13/06/2026	3.700	Philippines
30	Vinh Quang Star	HCM	13/06/2026	6.850	Philippines
31	Hoàng Triều 68	HCM	14/06/2026	6.500	Philippines
32	Quang Minh 6	HCM	14/06/2026	4.500	Philippines
Tổng				252.260	

III. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	11/06	+/-	11/06	+/-	11/06	+/-	11/06	+/-	11/06	+/-	11/06	+/-	11/06	+/-		
Lúa Tươi Tại Ruộng																
Hạt dài	6.050	-	5.850	-100	5.850	-150	5.850	-	6.250	+200	6.250	-100	6.250	-100	6.250	6.050
Lúa thường	5.650	-	5.650	-	5.550	+100	5.750	-	5.850	-300	5.850	-300	5.750	+100	5.850	5.721
Lúa Khô/Ướt Tại Kho																
Hạt dài	7.450	-	7.350	-	7.200	-135	7.450	+100	8.200	+850			8.050	-	8.200	7.617
Lúa thường	7.250	-	7.050	-	6.650	+210	7.150	+100	8.200	+800			7.750	-	8.200	7.342
Gạo Nguyên Liệu																
Lứt loại 1	8.750	-100	9.650	+300	9.700	-	9.650	+100	10.125	+575			10.150	-	10.150	9.671
Lứt loại 2	8.650	-100	8.650	+50	8.700	-	8.750	+150	8.700	+100	8.750	-	8.750	-	8.750	8.707
Xát trắng loại 1			11.450	+200			11.050	-	10.950	+100	11.450	-100	11.450	-100	11.450	11.270
Xát trắng loại 2			10.250	-			10.250	-	10.250	-	10.250	-	10.250	-	10.250	10.250
Phụ Phẩm																
Tám 1/2	7.750	+100	7.900	+50	7.700	-75	7.750	-	7.725	25	7.900	+50	7.650	-	7.900	7.768
Tám 2/3			7.800	+100	7.700	-50			7.650	-25			7.450	-	7.800	7.650
Tám 3/4	7.550	+100	7.700	+100	7.650	-50							7.450		7.700	7.588
Cám xát	7.650	+100	7.750	+50	7.725	+50	7.550	-100	7.800	-	7.800	-	7.350	-	7.800	7.661
Cám lau	7.650	+100	7.650	-	7.675	-	7.550	-100	7.800	-	7.800	-	7.450	-	7.800	7.654
Gạo TPXK Không Bao Tại Man																
5%	10.500	-	10.550	-	10.400	-	10.500	+50	10.900	+400	10.900	+350	10.350	-100	10.900	10.586
10%			10.450	-					10.700	+400					10.700	10.575
15%	10.300	-	10.250	-	10.200	-	10.300	+50	10.500	+400	10.500	+200	10.250	+100	10.500	10.329
20%									10.200	+400					10.200	10.200
25%	10.100	-	9.750	-	10.000	-	10.100	+50	9.900	+400	10.100	-	9.750	-100	10.100	9.957
